

# CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG TỈNH AN GIANG TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI GIÁO DỤC- MỘT SỐ PHÂN TÍCH ĐỊNH LƯỢNG

• Trần Thị Kim Liên<sup>(\*)</sup>

## Tóm tắt

*Nâng cao chất lượng giảng dạy của đội ngũ giáo viên phổ thông là một trong những yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh đổi mới của ngành giáo dục. Dựa trên nguồn số liệu khảo sát 270 giáo viên phổ thông của đề tài nghiên cứu khoa học cấp Tỉnh “Nghiên cứu dự báo nhu cầu giáo viên phổ thông và giáo viên dạy nghề ở An Giang đến năm 2030” do Trung tâm Nghiên cứu Khoa học xã hội và Nhân Văn - Trường Đại học An Giang chủ trì thực hiện năm 2015-2017, bài viết nhận diện chất lượng giảng dạy của đội ngũ giáo viên phổ thông tỉnh An Giang hiện nay. Kết quả cho thấy, mặc dù số lượng giáo viên phổ thông đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo là rất cao, nhưng năng lực giảng dạy của nhiều giáo viên còn hạn chế như chưa thực sự đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng khoa học công nghệ vào giảng dạy chưa nhiều, thiếu năng lực dạy học tích hợp. Việc đảm bảo các chính sách đào tạo, bồi dưỡng và các chính sách hỗ trợ giáo viên, đầu tư cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy có ý nghĩa quan trọng thúc đẩy chất lượng của đội ngũ giáo viên phổ thông, đảm bảo chất lượng giáo dục.*

*Từ khóa: Giáo viên phổ thông, chất lượng giáo viên, chất lượng giáo dục, đổi mới giáo dục.*

## 1. Đặt vấn đề

Nhân loại đã bước sang thế kỷ XXI với nhiều biến đổi lớn trong mọi lĩnh vực của đời sống và xã hội. Những thay đổi này đang đặt ra yêu cầu ngày càng cao về chất lượng nguồn nhân lực trong đó có đội ngũ giáo viên - lực lượng giữ vai trò quyết định về chất lượng và hiệu quả giáo dục. Ở bất kỳ giai đoạn lịch sử nào, việc xây dựng, phát triển một nền giáo dục vững mạnh là nhân tố quan trọng thúc đẩy xã hội phát triển. Trong các kỳ đại hội Đảng vừa qua, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu và là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, toàn xã hội; trong đó phát triển đội ngũ giáo viên đảm bảo chất lượng giảng dạy là khâu then chốt. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng tiếp tục khẳng định vấn đề này, trong đó nhấn mạnh “phát triển đội ngũ giáo viên là khâu then chốt” trong chiến lược “đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo” [3, tr. 130-131]. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục, nhu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên phổ thông của tỉnh An Giang là rất lớn. Vì thế, bài viết tập trung nhận diện chất lượng giảng dạy của đội ngũ giáo viên phổ thông tỉnh An Giang hiện nay qua phân tích một số tiêu chí về năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy, năng lực giảng dạy tích hợp,

phương pháp giảng dạy, việc áp dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết dựa trên nguồn số liệu khảo sát của đề tài nghiên cứu khoa học cấp Tỉnh “Nghiên cứu dự báo nhu cầu giáo viên phổ thông và dạy nghề ở An Giang đến năm 2030” do Trung tâm Nghiên cứu Khoa học xã hội và Nhân Văn - Trường Đại học An Giang chủ trì thực hiện. Số liệu phỏng vấn định lượng với 270 giáo viên phổ thông (mỗi cấp học 90 giáo viên) trên địa bàn An Giang được sử dụng phân tích cho bài viết. Ngoài phân tích tương quan hai biến, phân tích hồi quy logistic được sử dụng để nhận diện các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng giảng dạy của giáo viên phổ thông.

## 3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

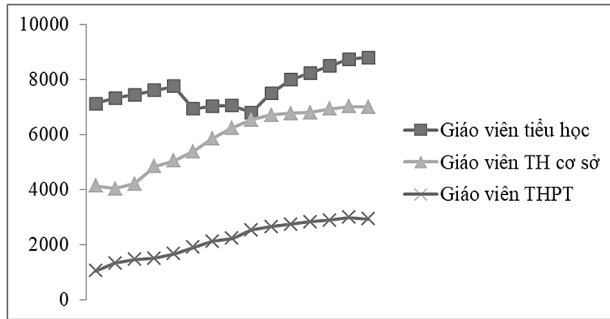
### 3.1. Thực trạng về đội ngũ giáo viên phổ thông trên địa bàn tỉnh An Giang

Về số lượng, theo thống kê của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang, kể từ năm 2000 đến nay số lượng giáo viên phổ thông có biến động nhất định theo từng năm học nhưng xu hướng chung là gia tăng. Từ năm học 2010-2011 đến nay, số lượng giáo viên đạt mức cao nhất và ổn định ở cả 3 cấp học. Do đó, tỷ lệ học sinh/ giáo viên những năm này có chiều hướng giảm. Ví dụ, tỷ lệ học sinh/ giáo viên từ 28,06 năm học 2000-2001 giảm xuống còn 14,49 năm học 2013-2014. Đây là tiêu

<sup>(\*)</sup> Trường Đại học An Giang.

chí tích cực cho việc đảm bảo về chất lượng giảng dạy của giáo viên phổ thông. Theo đánh giá của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang, đội ngũ cán bộ, giáo viên phổ thông tiếp tục phát triển về quy mô và chất lượng [4].

Đơn vị: giáo viên



**Biểu đồ 1. Số lượng giáo viên phổ thông ở tỉnh An Giang chia theo cấp học**

Nguồn: Số liệu thống kê của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang năm 2017

Về trình độ đào tạo, số liệu thống kê của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang cho biết, từ năm học 2013-2014, 100% giáo viên phổ thông các cấp ở An Giang đã đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo (xem bảng 1). So sánh với tỷ lệ đạt chuẩn trình độ đào tạo của đội ngũ giáo viên cả nước, tỷ lệ giáo viên phổ thông các cấp ở An Giang đạt chuẩn về trình độ đào tạo cao hơn. Theo bản dự thảo Đề cương Chương trình hiện đại hóa các trường đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tỷ lệ giáo viên phổ thông cả nước đã đạt chuẩn và trên chuẩn đào tạo tương ứng: cấp tiểu học 99,91%, trung học cơ sở (THCS) 99,91%, trung học phổ thông (THPT) 97,82%.

**Bảng 1. Tỷ lệ giáo viên phổ thông đạt chuẩn theo tiêu chí của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016
Tỷ lệ giáo viên tiểu học đạt chuẩn trình độ đào tạo	100%	100%	100%	100%	100%
Tỷ lệ giáo viên THCS có trình độ đạt chuẩn so với tổng số GV (%)	98%	99%	100%	100%	100%
Tỷ lệ giáo viên THCS có trình độ đào tạo trên chuẩn	100%	100%	100%	100%	100%

Nguồn: Số liệu thống kê của Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang, 2016

Phần lớn giáo viên phổ thông của An Giang có trình độ đại học. Theo kế hoạch Phát triển nhân lực

của ngành giáo dục tỉnh An Giang, chỉ tiêu về trình độ chuyên môn của đội ngũ giáo viên phổ thông là đến năm 2020 có ít nhất 90% số giáo viên tiểu học đạt trình độ từ cao đẳng trở lên; 90% số giáo viên THCS và THPT đạt trình độ đại học trở lên. So sánh với thực tế cho thấy, về cơ bản trình độ chuyên môn của đội ngũ giáo viên phổ thông đạt được so với kế hoạch đề ra. Số liệu thống kê của Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang cho biết, tính đến năm học 2015-2016, tỷ lệ giáo viên tiểu học có trình độ cao đẳng trở lên là 90,3%; tỷ lệ giáo viên THCS có trình độ đại học trở lên là 89,2%; tỷ lệ giáo viên THPT có trình độ đại học trở lên là 96,2%.

**Bảng 2. Trình độ đào tạo của giáo viên phổ thông hiện nay so với kế hoạch phát triển nguồn nhân lực**

Cấp học	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Nhu cầu phát triển nguồn nhân lực
Tiểu học	5,8	21,7	68,5	0,1	90% có trình độ từ cao đẳng
THCS	0	9,6	88,9	0,3	90% có trình độ từ đại học
THPT			86,9	9,3	90% có trình độ từ đại học

Nguồn: Số liệu khảo sát đề tài năm học 2016 - 2017

**3.2. Thực trạng chất lượng của đội ngũ giáo viên phổ thông trên địa bàn tỉnh An Giang**

Chất lượng là một khái niệm rất khó định nghĩa bởi có nhiều cách hiểu khác nhau. Trong bài viết này, chất lượng giảng dạy của đội ngũ giáo viên phổ thông được hiểu là sự phù hợp, đáp ứng của đội ngũ giáo viên với mục tiêu chiến lược của giáo dục phổ thông hiện nay trên cơ sở trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và các chính sách lớn của Chính phủ đối với giáo dục. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nêu rõ: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi

nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học” [1]. Theo đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chủ trương đổi mới các phương pháp về dạy và học để mang lại những hiệu quả tích cực. Bài viết sẽ lần lượt phân tích chất lượng của giáo viên phổ thông trên các khía cạnh: năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy; năng lực giảng dạy tích hợp; phương pháp giảng dạy; việc áp dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy.

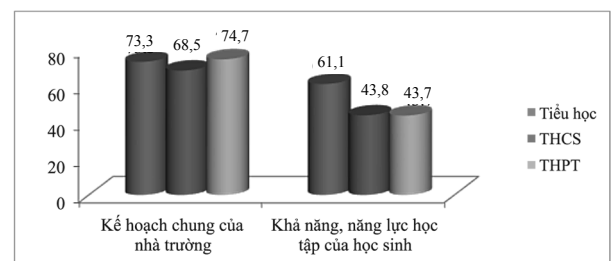
### 3.2.1. Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy

Điều 6, Thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngày 22/10/2009 quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên THCS, THPT đã quy định về tiêu chuẩn năng lực dạy học. Trong đó, việc xây dựng kế hoạch học tập là tiêu chuẩn đầu tiên theo quy định này. Theo đó, giáo viên cần quan tâm "các kế hoạch dạy học cần được xây dựng theo hướng thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học phù hợp với đặc thù môn học, đặc điểm học sinh và môi trường giáo dục; phối hợp hoạt động học với hoạt động dạy theo hướng phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh” [2, tr. 2]. Tìm hiểu quan điểm của giáo viên cho thấy, 100% giáo viên phổ thông cho rằng việc tìm hiểu khả năng, nhu cầu học tập của học sinh thực sự cần thiết. Trên thực tế, đa số giáo viên phổ thông ở An Giang đã và đang xây dựng kế hoạch dạy học trên cơ sở kết hợp giữa kế hoạch chung của nhà trường và khả năng, năng lực học tập của học sinh (xem biểu đồ 2). Đây là một chỉ báo tích cực bởi việc xây dựng kế hoạch học tập dựa trên năng lực học tập của học sinh là phương thức giúp tăng khả năng đáp ứng nhu cầu giáo dục, tăng hiệu quả của công tác giảng dạy.

Tuy nhiên, việc xây dựng kế hoạch dạy học dựa vào khả năng, năng lực học tập của học sinh vẫn thấp hơn so với tỷ lệ giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học dựa trên kế hoạch chung của nhà trường ở cả 3 cấp học. Theo đánh giá của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang, việc giao tự chủ cho các

đơn vị xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục được thực hiện ở tỉnh tương đối tốt, tuy nhiên chưa đồng bộ do các trường còn sợ sai so với khung phân phối kế hoạch dạy chung của Sở và tâm lý lo ngại đến những khó khăn trong quá trình thanh kiểm tra. Điều đáng lưu tâm là ở cấp tiểu học, tỷ lệ giáo viên xây dựng kế hoạch học tập dựa trên khả năng, năng lực học tập của học sinh cao hơn so với hai cấp học còn lại (tỷ lệ tương ứng là 61,1% so với 43,8% và 43,7%). Cũng theo đánh giá của Phòng Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên, trong năm học 2015-2016, ở một số trường việc tổ chức hoạt động dạy và học còn bị gò ép, cứng nhắc trong thời lượng 45 phút trên lớp, chưa có sự phân chia hợp lý các nhiệm vụ học tập của học sinh, chưa thực sự chú trọng đến việc phát huy khả năng và năng lực học tập của học sinh.

**Biểu đồ 2. Tỷ lệ giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học dựa trên các yếu tố chia theo các cấp học (%)**



Nguồn: Số liệu khảo sát năm 2016

### 3.2.2. Phương pháp giảng dạy

Trong 4 phương pháp giảng dạy được đề ra để hỏi ý kiến như diễn giảng, trực quan, thực hành và thí nghiệm thì trực quan là phương pháp được các giáo viên cho biết thường sử dụng nhất trong quá trình giảng bài, tỷ lệ ở ba cấp học là 88,4% (tiểu học); 65,2% (THCS); 73,0% (THPT). Phương pháp diễn giảng để học sinh hiểu bài cũng là phương pháp được đa số giáo viên áp dụng trong quá trình dạy, tỷ lệ tương ứng là 67,4%; 51,1% và 62,9%. Phương pháp thí nghiệm là phương pháp ít được áp dụng trong trường học nhất, một phần vì chỉ có một số bộ môn mới yêu cầu sử dụng phương pháp này nhưng một phần là do điều kiện cơ sở vật chất và "trang thiết bị của nhà trường chưa thực sự đầy đủ” (TLN Giáo viên Trường Nguyễn Hiền).

Trong giờ học, 3 hoạt động thường diễn ra ở cả 3 cấp học phổ thông là khuyến khích học sinh hỏi bài/ phát biểu bài, tổ chức học sinh làm việc theo

nhóm, kiểm tra học sinh chuẩn bị bài và hướng dẫn học sinh học bài ở nhà. Hoạt động tổ chức học sinh làm việc theo nhóm được áp dụng ở cấp tiểu học phổ biến hơn là ở cấp THCS và THPT (tỷ lệ tương ứng

là 82,6%; 53,5% và 42,5%). Có thể do ở bậc tiểu học, việc áp dụng chương trình giảng dạy VNEN nên các phương pháp dạy học theo nhóm được vận dụng nhiều hơn so với bậc THCS và THPT.

**Bảng 3. Các phương pháp và hoạt động trong giờ học (%)**

Các phương pháp và hoạt động trong giờ học		Tiểu học	THCS	THPT
Phương pháp giảng dạy thường sử dụng	Diễn giảng	67,4	51,1	62,9
	Trực quan	88,4	65,2	73,0
	Thực hành	65,1	31,5	28,1
	Thí nghiệm	22,1	18,0	10,1
Những hoạt động thường diễn ra trong giờ học	Khuyến khích học sinh hỏi bài/ phát biểu	88,5	95,6	95,4
	Tổ chức học sinh làm việc theo nhóm	82,6	53,5	42,5
	Kiểm tra học sinh chuẩn bị bài	86,2	88,6	83,9
	Hướng dẫn học sinh học bài ở nhà	85,1	90,9	79,3

Nguồn: Số liệu khảo sát năm 2016

### 3.2.3. Phương pháp dạy tích hợp

Dạy học tích hợp là yêu cầu thiết yếu đối với giáo dục phổ thông trên thế giới, nhưng vẫn còn khá mới mẻ ở Việt Nam. Để đáp ứng chương trình và sách giáo khoa mới cần tập trung hình thành và phát triển một số năng lực mới cần có của người giáo viên và cán bộ quản lý như: dạy học và đánh giá theo năng lực; tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo; dạy học tích hợp; dạy học phân hóa; phát triển kế hoạch giáo dục nhà trường, các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện, bối cảnh của địa phương, nhà trường. Khi được hỏi đánh giá của giáo viên phổ thông An Giang về khả năng đáp ứng đối với các phương pháp dạy tích hợp, có khoảng hơn ½ số giáo viên ở bậc tiểu học và THCS cho rằng năng lực của giáo viên nhà trường hoàn toàn đáp ứng được. Trong khi đó, ở bậc THPT, tỷ lệ giáo viên đánh giá về khả năng hoàn toàn đáp ứng của giáo viên trong trường chỉ khoảng ¼ trong tổng số người trả lời và hầu hết là cho rằng chỉ đáp ứng được một phần nhỏ (72,6%). Nhóm giáo viên trường THPT Nguyễn Hiền cho rằng có 3 nguyên nhân cơ bản đối với khả năng đáp ứng của giáo viên với phương pháp dạy tích hợp. *Thứ nhất*, giáo viên chưa thực sự đáp ứng được phương pháp giảng dạy tích hợp là do sách giáo khoa thay đổi liên tục dẫn đến giáo viên chưa có những hình dung cụ thể về sách giáo khoa mới. *Thứ hai*, trình độ công nghệ thông tin của giáo viên còn nhiều

hạn chế. *Thứ ba*, cơ sở vật chất của nhà trường chưa thực sự được đảm bảo.

**Bảng 4. Đánh giá của giáo viên về khả năng đáp ứng với phương pháp dạy tích hợp (%)**

Khả năng đáp ứng	Tiểu học	THCS	THPT
Hoàn toàn đáp ứng được	57,3	52,3	26,4
Chỉ đáp ứng được một phần	42,7	47,7	72,4
Không đáp ứng được	-	-	1,1

Nguồn: Số liệu khảo sát năm 2016

### 3.2.4. Áp dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy

Một trong những biện pháp quan trọng để đạt được chất lượng giảng dạy là tăng cường sử dụng phương tiện dạy học và công nghệ thông tin hợp lý. Thực tế hiện nay, giờ lên lớp không chỉ có bảng đen, phấn trắng và sách giáo khoa, nhiều trường học, nhiều lớp học đã được trang bị các thiết bị giảng dạy hiện đại như máy tính, máy chiếu để giúp cho học sinh có được trực quan tốt hơn, tiếp thu được kiến thức dễ dàng hơn. Kết quả khảo sát cũng cho thấy, phần lớn các giáo viên ở các trường tham gia khảo sát này đều có khả năng sử dụng thành thạo máy vi tính (tiểu học: 78,9%; THCS: 86,7%; THPT: 90,0%) và có khoảng 1/3 giáo viên tiểu học và THCS thường xuyên sử dụng máy vi tính và máy chiếu trong giảng dạy. Ở bậc THPT, tỷ lệ giáo viên thường xuyên sử dụng máy tính và

máy chiếu trong các giờ dạy cao hơn so với ở bậc tiểu học và THCS (47,7%).

**Bảng 5. Tỷ lệ giáo viên sử dụng máy vi tính (%)**

		Tiểu học (N=90)	THCS (N=90)	THPT (N=90)
Sử dụng thành thạo máy vi tính	Có	78,9	86,7	90,0
	Không	21,1	13,3	10,0
Sử dụng máy tính và máy chiếu	Có, thường xuyên	35,6	36,0	47,7
	Có, thỉnh thoảng	39,1	61,8	51,1
	Không	25,3	2,2	1,1

Nguồn: Số liệu khảo sát năm 2016

Nhìn chung, trong những năm vừa qua, số lượng giáo viên phổ thông của An Giang có xu hướng ngày càng gia tăng. Mặc dù số lượng giáo viên phổ thông đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo là rất cao, nhưng năng lực giảng dạy của nhiều nhà giáo còn nhiều hạn chế như chưa thực sự đổi mới phương pháp giảng dạy, việc áp dụng khoa học công nghệ vào giảng dạy chưa nhiều, năng lực dạy học tích hợp chưa cao. Một trong những vấn đề đặt ra và cần quan tâm trong giai đoạn tới là chú ý đảm bảo chất lượng giáo viên phổ thông để đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể vừa được Ban Chỉ đạo đổi mới chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông thông qua ngày 27/7/2017. Theo kế hoạch sẽ lần lượt thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới trên phạm vi toàn quốc theo cả ba cấp học, bắt đầu ở lớp 1, lớp 6 và lớp 10 từ năm học 2018-2019; đến năm học 2020-2021 (đối với cấp THCS), năm học 2021-2022 (đối với cấp THPT) và năm học 2022-2023 (đối với cấp Tiểu học).

### 3.3. Yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng của đội ngũ giáo viên phổ thông

Qua khảo sát thực tế, một số yếu tố hạn chế chất lượng giảng dạy của đội ngũ giáo viên phổ thông được xác định như thói quen của giáo viên với phương pháp dạy truyền thống, ý thức đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên chưa cao, kiến thức, năng lực của giáo viên về phương pháp dạy học mới còn hạn chế,... Bên cạnh đó, tâm lý học đối phó với thi cử của học sinh cũng là một trong những rào cản. Tâm lý này có xu hướng tăng dần đối với các bậc học càng cao. Ngoài ra, điều kiện cơ sở vật

chất, phương tiện dạy học thiếu thốn cũng là những khó khăn nhất định của các trường ở An Giang.

Ghi nhận ở một trường THPT về sự thiếu thốn của phương tiện dạy học là do không có đủ dụng cụ như đo huyết áp, điện kế,... nên việc giảng bài của giáo viên và nắm bắt kiến thức của học sinh còn có những khó khăn nhất định. Khó khăn này được ghi nhận nhiều hơn ở các trường tiểu học (57,0%) so với trường THCS (48,9%) và THPT (33,0%). Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang cũng đã thẳng thắn nhìn nhận những khó khăn và bất cập của chương trình và sách giáo khoa hiện hành còn nặng về kiến thức hàn lâm, thiếu sự liên thông, tích hợp... nên gây tình trạng quá tải cho học sinh. Để làm rõ hơn các yếu tố ảnh hưởng chất lượng giảng dạy của đội ngũ giáo viên phổ thông hiện nay trên địa bàn An Giang, chúng tôi cũng đã xây dựng mô hình hồi quy logistic. Biến số được lựa chọn để đánh giá chất lượng đội ngũ giáo viên phổ thông là: Giáo viên phổ thông có đáp ứng được phương pháp giảng dạy tích hợp hay không. Biến số này được lựa chọn bởi vì điểm mới nhất của kế hoạch giáo dục phổ thông theo Chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2017 chính là nội dung hướng nghiệp được yêu cầu tích hợp vào các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc. Các biến số được giả định có ảnh hưởng/ tác động được đưa vào phân tích gồm có: Giới tính, trình độ học vấn của giáo viên; Mức độ đáp ứng trang thiết bị dạy học cho giáo viên; Số lần giáo viên được tham gia các khóa bồi dưỡng; Số năm giảng dạy; Khả năng sử dụng máy tính thành thạo của giáo viên; Mức độ đáp ứng của các chính sách dành cho giáo viên theo đánh giá của giáo viên. Kết quả được trình bày ở bảng 6.

Kết quả phân tích hồi quy cho thấy, trong số các yếu tố được đưa vào phân tích, yếu tố chính sách, chế độ đãi ngộ với giáo viên có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng giảng dạy theo phương pháp tích hợp của giáo viên phổ thông. Những giáo viên phổ thông cho rằng tại nơi họ công tác các chính sách, chế độ đãi ngộ giáo viên được thực hiện tốt thì khả năng đáp ứng được phương pháp giảng dạy tích hợp cao hơn so với những nơi giáo viên cho

rằng nơi họ làm việc các chính sách, chế độ giáo viên chưa được thực hiện tốt. Kết quả nghiên cứu này thêm lần nữa khẳng định rằng việc chú ý đến các chính sách đãi ngộ, cũng như các chính sách đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên là cần thiết.

**Bảng 6. Mô hình hồi qui yếu tố tác động đến khả năng đáp ứng được phương pháp giảng dạy tích hợp của giáo viên phổ thông**

Yếu tố tác động	Tỷ số chênh lệch	Số lượng
<b>Trình độ học vấn của giáo viên</b>		
Cao đẳng trở xuống - nhóm đối chứng	1,0	34
Đại học	0,7	217
<b>Giới tính giáo viên</b>		
Nam - nhóm đối chứng	1	106
Nữ	1,2	145
<b>Mức độ đáp ứng trang thiết bị dạy học cho giáo viên</b>		
Đáp ứng đầy đủ - nhóm đối chứng	1	107
Đáp ứng một phần	0,8	144
<b>Số lần được tham gia các khóa bồi dưỡng</b>	0,9	251
Số năm giảng dạy	0,9	251
<b>Khả năng sử dụng máy tính thành thạo</b>		
Không - nhóm đối chứng	1	39
Có	1,3	212
<b>Đánh giá về chính sách, chế độ đãi ngộ giáo viên</b>		
Chưa tốt - nhóm đối chứng	1	161
Tốt	1,9**	90
<b>Khu vực</b>		
Thành thị - nhóm đối chứng	1	111
Nông thôn	0,9	56
Biên giới	1,2	84
<b>N</b>		<b>251</b>

*Nguồn: Số liệu khảo sát năm 2016*

#### 4. Kết luận và khuyến nghị

Trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực giáo dục, cùng sự đổi mới về chương trình giáo dục phổ thông, về phương pháp giảng dạy là hết sức cấp thiết. Nhu cầu về chất lượng đội ngũ giáo viên phổ

thông không chỉ thể hiện ở trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn theo tiêu chí của Bộ Giáo dục và Đào tạo mà còn ở năng lực của đội ngũ giáo viên trong dạy học tích hợp và lồng ghép, dạy học phân hóa, trải nghiệm theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới.

Kết quả phân tích ở trên về trình độ của đội ngũ giáo viên phổ thông các cấp cho thấy đội ngũ giáo viên phổ thông của An Giang đã đạt chuẩn, thậm chí trên chuẩn về trình độ chuyên môn. Về kinh nghiệm giảng dạy, đội ngũ giáo viên các cấp tham gia khảo sát đều có kinh nghiệm giảng dạy trung bình trên 10 năm. Điều này cho thấy, tuổi nghề của đội ngũ giáo viên khá dày dặn, có thể có đủ kinh nghiệm để xử lý những tình huống sư phạm diễn ra và có kinh nghiệm trong việc truyền đạt kiến thức cho học sinh. Đây là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng dạy học của đội ngũ giáo viên phổ thông trên địa bàn tỉnh An Giang hiện nay.

Mặc dù số lượng giáo viên phổ thông đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo là rất cao, nhưng năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của nhiều nhà giáo còn hạn chế, chưa thực sự đủ năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy. Phần lớn giáo viên phổ thông bày tỏ nhu cầu được phát triển năng lực học tập và các hoạt động giáo dục.

Từ kết quả nghiên cứu về chất lượng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, để nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng. Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang cần tổ chức lại hệ thống bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ, giáo viên phổ thông, cần thiết xây dựng cơ chế phối hợp giữa Sở và các trường đại học sư phạm, Học viện Quản lý giáo dục nhằm đảm bảo hiệu quả, chất lượng đào tạo, bồi dưỡng.

Việc đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên phổ thông cần đặc biệt tăng cường trước yêu cầu đổi mới sách giáo khoa và chương trình giảng dạy bậc phổ thông đáp ứng với hội nhập quốc tế. Xác định rõ mục tiêu đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng cho đội ngũ theo từng giai đoạn (bồi dưỡng dài hạn, bồi dưỡng ngắn hạn). Gắn đào tạo, bồi dưỡng giáo viên với nhu cầu và quy hoạch lâu dài.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, các ý kiến

thảo luận đều cho thấy, cơ sở vật chất của các trường mặc dù có sự cải tiến theo chương trình cải cách của Bộ Giáo dục và Đào tạo, song do sử dụng lâu năm nên trang thiết bị xuống cấp và một số trường chưa trang bị cơ sở vật chất một cách đầy đủ, đặc biệt là ở vùng nông thôn, biên giới trên địa bàn tỉnh, cơ sở vật chất thiếu thốn, trang thiết bị lạc hậu... cơ sở vật chất trong trường chỉ đáp ứng cho giảng dạy nhưng trong nghiên cứu thì cơ sở vật chất vẫn còn bỏ ngõ. Chính điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng dạy học hiện nay. Do vậy, việc phát triển cơ sở vật chất hạ tầng và trang thiết bị phục vụ dạy và học theo hướng hiện đại hóa về hình thức và nội dung, tạo ra bước đột phá trong việc nâng cao tự học, tự nghiên cứu của giáo viên là góp phần nâng chất lượng giảng dạy phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới của tỉnh.

Ngoài ra, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang cần lập kế hoạch cơ cấu lại đội ngũ giáo viên phổ thông theo các môn học phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông tổng thể sẽ thực hiện trong thời gian tới. Xây dựng các văn bản, quy chế, trong ngành giáo dục, đào tạo của tỉnh An Giang trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật và định hướng của ngành giáo dục, đào tạo. Tỉnh cần phải đổi mới cơ chế quản lý và có chính sách sử dụng giáo viên phù hợp để đáp ứng tối thiểu nhu cầu của người giáo viên cũng như những đầu tư của nhà nước nhằm giúp họ có cơ hội cống hiến năng lực, tâm huyết của mình cho xã hội.

Tỉnh An Giang cần hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của ngành giáo dục. Không đào tạo giáo viên các ngành đang có khả năng dư thừa. Những ngành đủ điều kiện, còn nhu cầu tuyển dụng cần ưu tiên đầu tư để nâng cao chất lượng. Công tác tuyển dụng, sử dụng đội ngũ giáo viên phổ thông cần được xem xét trong quy hoạch tổng thể nhu cầu đội ngũ giáo viên và công tác dự báo hằng năm.

Đảm bảo cơ sở vật chất, bao gồm hệ thống trường lớp, trang thiết bị giảng dạy cho công tác dạy học đạt hiệu quả tối đa. Hiện nay, vẫn còn nhiều trường phổ thông trong tình trạng thiếu quỹ đất xây dựng trường học, các hạng mục công trình phục vụ dạy học... đặc biệt là các trường tiểu học

không đạt chuẩn quốc gia là do chưa đạt về tiêu chí cơ sở vật chất. Để giải quyết tình trạng này Sở Giáo dục cần tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang có hướng dẫn, các chính sách phát triển trường lớp căn cơ hơn, tạo thêm cơ chế mở để các địa phương chủ động hoàn chuyển, quy hoạch các nguồn đất thay thế đáp ứng yêu cầu giáo dục trong tình hình mới. Đồng thời cần tăng cường công tác xã hội hóa để nâng cao chất lượng cơ sở vật chất tại các trường học.

Cần có các lớp bồi dưỡng chuyên sâu huấn luyện các kỹ năng sử dụng trang thiết bị giáo dục, cách thức truyền đạt những kỹ năng hành vi nhằm tạo điều kiện cho giáo viên phổ thông có những kỹ năng cần thiết để giảng dạy một chương trình giáo dục hiện đại.

Tiếp tục có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực ngôn ngữ, phương pháp giảng dạy để giáo viên ở từng cấp học đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu chương trình mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về đội ngũ giáo viên và học sinh phổ thông. Cơ sở dữ liệu cần chú ý có đầy đủ thông tin về số lượng giáo viên, học sinh phân theo các đặc trưng nhân khẩu, xã hội như trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhóm tuổi, khu vực, lớp học, số lượng giáo viên hao hụt hàng năm, số lượng học sinh theo lớp học, số lượng học sinh thôi học, số lượng học sinh đi học đúng tuổi, tỷ lệ đi học đúng tuổi theo trong nhóm dân số ở độ tuổi đi học,... Cần thường xuyên cập nhật số liệu thống kê về đội ngũ giáo viên phổ thông của tỉnh. Đây là cơ sở dữ liệu quan trọng giúp phân tích dự báo tình hình đội ngũ giáo viên ở từng giai đoạn.

Việc đảm bảo các chính sách đào tạo, bồi dưỡng và các chính sách hỗ trợ đãi ngộ giáo viên và đảm bảo cơ sở vật chất cho công tác giảng dạy có ý nghĩa quan trọng thúc đẩy chất lượng của đội ngũ giáo viên phổ thông, đảm bảo chất lượng giáo dục. Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang cần tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh có các chính sách đãi ngộ, cũng như các chính sách đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên theo yêu cầu đổi mới. Để thực hiện hiệu quả, tỉnh An Giang cần có khảo sát hiện trạng giáo

dục phổ thông một cách khoa học nhằm có cơ sở quy hoạch đội ngũ giáo viên phổ thông chuẩn hóa trên ba phương diện: đạt chuẩn đào tạo, đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên và đáp ứng yêu cầu mới về chuẩn giáo dục phổ thông. Chính vì đội ngũ giáo

viên là người quyết định sự thành bại của việc đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục. Do đó vấn đề giáo viên cần phải được giải quyết một cách căn cơ, thấu đáo để họ có thể thực hiện hoạt động giáo dục một cách chuyên nghiệp./.

#### Tài liệu tham khảo

[1]. Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam (2013), Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), Thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 10 năm 2009, Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên THCS, giáo viên THPT.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI.

[4]. Trần Thị Kim Liên (2018), Nghiên cứu dự báo nhu cầu giáo viên phổ thông và dạy nghề đến năm 2030 ở tỉnh An Giang, Đề tài khoa học cấp Tỉnh, Mã số nhiệm vụ 372.2015.3.

[5]. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang (2012), Đề án xây dựng và nâng cao chất lượng nhà giáo và cán bộ quản lý ngành giáo dục và đào tạo An Giang giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng 2020.

### THE TEACHING QUALITY OF HIGH SCHOOL TEACHERS IN AN GIANG PROVINCE IN THE CONTEXTS OF EDUCATIONAL INNOVATION- SOME QUANTITATIVE ANALYSES

#### Summary

Improving the teaching quality of high school teachers is one of the most urgent requirements in the context of educational reform. Based on the survey data of 270 high school teachers for the provincial research project titled “Studying prospective demands for high school teachers and vocational teachers in An Giang up to 2030” chaired by the Center of Social Science and Humanities studies, An Giang University, this article identifies the current teaching quality of high school teachers in An Giang province. The results show that the majority of high school teachers have achieved the standard or higher level of training, but their teaching capacity of many teachers is quite limited in terms of teaching method innovation, technological application, and integrative instruction. As a result, it is essential that policies for training and supporting high school teachers, infrastructural investments should be properly ensured for teaching quality improvement.

Keywords: High school teachers, teaching quality, education quality, educational innovation.

Ngày nhận bài: 02/7/2019; Ngày nhận lại: 23/9/2019; Ngày duyệt đăng: 20/12/2019.